

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẢN**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQĐHĐCĐ-VISSAN ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1489/QĐHĐQT-VISSAN ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Ban TGD;
- Phòng chuyên môn, đvị trực thuộc;
- Lưu: VT, TKHĐQT.



Nguyễn Phúc Khoa

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty	1
CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	1
Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông	1
Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.....	2
Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp, kiểm tra thông tin.....	2
Điều 6. Cổ đông đăng ký làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc	3
Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng	4
CHƯƠNG III ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 9. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 10. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 11. Bầu, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 14. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 15. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	7
CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 16. Thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 17. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 20. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 21. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 22. Thủ lao và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 23. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	10
Điều 24. Người phụ trách quản trị công ty	11
CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 25. Kiểm soát viên	13
Điều 26. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	13
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	14

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	14
Điều 29. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát	15
Điều 30. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên.....	15
Điều 31. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát	15
CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC	15
Điều 32. Tổng giám đốc	15
Điều 33. Cách thức bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	15
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	15
Điều 35. Công bố thông tin về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc....	16
Điều 36. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng giám đốc	16
CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	16
Điều 37. Việc mời tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc	16
Điều 38. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc	17
Điều 39. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin	17
Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc.....	17
CHƯƠNG VIII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	18
Điều 41. Đánh giá hoạt động	18
Điều 42. Khen thưởng, kỷ luật	18
CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	19
Điều 43. Điều khoản thi hành.....	19

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1435/QĐHĐQT-VISSAN ngày 21/4/2022
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (sau đây gọi tắt là Công ty) đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quy định về việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Đồng thời, Quy chế là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cổ đông;

b) Thành viên Hội đồng quản trị;

c) Kiểm soát viên;

d) Ban điều hành gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

đ) Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị minh bạch, hiệu quả;

2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;

4. Đảm bảo vai trò quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành và kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, quyền, nghĩa vụ của cổ đông phát sinh kể từ thời điểm tên và những thông tin về cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam) cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông sở hữu cổ phần cùng loại đều được đối xử công bằng.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp, kiểm tra thông tin

1. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình gửi yêu cầu bằng văn bản đến Tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Người phụ trách quản trị công ty biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Người phụ trách quản trị công ty. Trường hợp yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác về mình, cổ đông gửi kèm bản sao chứng thực các giấy tờ chứng minh thông tin.

2. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị công ty để được cung cấp tài liệu.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hằng năm; báo cáo của Ban kiểm soát; hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty theo trình tự sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị công ty cung cấp thông tin trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc từ chối cung cấp thông tin.

b) Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của

công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; chữ ký cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; chữ ký cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo trình tự sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công ty biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ít hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông yêu cầu xem xét, trích lục và sao chụp một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 164 Luật Doanh nghiệp có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị công ty để được cung cấp tài liệu.

6. Công ty gửi tài liệu trích lục, sao chụp cho cổ đông trực tiếp bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email của cổ đông.

Điều 6. Cổ đông đăng ký làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hoặc thắc mắc liên quan đến quyền và lợi ích cổ đông được quy định tại Điều lệ hoặc theo quy định pháp luật phải đăng ký với Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp thông qua các kênh sau:

a) Website chính thức của Công ty: <http://www.vissan.com.vn>

b) Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

c) Thông cáo báo chí của Công ty;

d) Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

đ) Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ.

Điều 9. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập và điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21, 22 Điều lệ.

Điều 10. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải hoàn tất thực hiện việc đăng ký cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân (Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác);

b) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp).

2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Mã dự họp (cấp

cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông), Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có), trong đó:

a) “Thẻ biểu quyết” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty;

b) “Phiếu biểu quyết” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty;

c) “Phiếu bầu cử” có ghi mã dự họp, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu, có đóng dấu treo Công ty.

3. Công ty có thể tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến và/hoặc trực tiếp. Trường hợp Công ty có tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến sẽ được thực hiện dựa trên Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Bầu, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách biểu quyết của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước cuộc họp:

a) Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;

b) Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;

c) Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức bầu, biểu quyết:

a) Phương thức nộp “Phiếu biểu quyết”: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại cuộc họp;

b) Phương thức nộp “Phiếu bầu cử”: cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

c) Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”: khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác, trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại cuộc họp.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

a) Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

b) Về nội dung:

- Phiếu biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút mực chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu bầu cử:
- + Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- + Đánh dấu “X” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng cử viên;
- + Số ứng cử viên bầu nhỏ hơn hoặc bằng số lượng ứng cử viên cần bầu;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng hơn tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- + Phiếu nộp trước khi Ban Kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

a) Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp và kiểm tra số Thẻ/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Hình thức, điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 24, 25 Điều lệ.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc, trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể được thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản hoặc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử.

3. Trình tự, thủ tục xem xét ý kiến không tán thành về nội dung biên bản họp:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi văn bản nêu rõ ý kiến không tán thành về nội dung biên bản họp gửi cho Người phụ trách quản trị công ty, văn bản bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; căn cứ, lý do và vấn đề không tán thành; chữ ký cổ đông, nhóm cổ đông lập văn bản; tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

b) Trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được văn bản trên, Người phụ trách quản trị công ty thông báo và gửi kèm văn bản không tán thành nội dung biên bản họp cho Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị biết.

c) Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được thông tin, thông qua Người phụ trách quản trị công ty, Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho cổ đông, nhóm cổ đông đề nghị. Trường hợp điều chỉnh Biên bản họp, Biên bản họp điều chỉnh phải được gửi lại cho tất cả cổ đông hoặc công bố lại trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa cuộc họp và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 14. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời gian hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước (sau đây gọi tắt là UBCKNN);
- c) Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK);

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK.

Điều 15. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trường hợp yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ.

CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên; trong đó có một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị, hai (02) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 28 Điều lệ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở của Công ty và thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Công ty hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 17 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. Thành viên Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Kiểm soát viên. Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 29 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều này, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý;
- đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- e) Các thông tin khác (nếu có).

4. Ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền thay thế Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

c) Thành viên đó bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;

d) Cổ đông là pháp nhân không cử người làm đại diện hoặc ủy quyền.

đ) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng, thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc không tham gia các hoạt động khác của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục;

b) Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

c) Thành viên đó vi phạm nhiều lần (từ 03 lần trở lên trong một nhiệm kỳ) hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ hoặc quy định pháp luật;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Hội đồng quản trị chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 20. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu (bầu mới, bầu lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; nhận được đơn xin từ chức của thành viên Hội đồng quản trị. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị mới (nếu có).

Điều 22. Thù lao và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, quyền lợi khác theo quy định tại Điều 29 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định khác của Công ty.

Điều 23. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị để phụ trách về các công tác, nghiệp vụ chuyên môn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Thành viên của các tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử người lao động Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết. Các tiểu ban gồm:

1. Tiểu ban Thư ký:

a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Nhiệm vụ của Tiểu ban Thư ký:

- Tư vấn thủ tục các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định Công ty và quy định pháp luật;

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

+ Chọn địa điểm họp phù hợp, phòng họp đủ điều kiện chỗ ngồi, ánh sáng, âm thanh, thiết bị ghi âm, ghi hình;

+ Kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp;

+ Chuẩn bị tài liệu gửi kèm thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo

Sổ đăng ký cổ đông.

- Hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị trong quá trình họp Đại hội đồng cổ đông:

- + Lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - + Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - Chuẩn bị các cuộc họp, lập biên bản cuộc họp, dự thảo nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Lưu trữ thông tin Công ty: Sổ đăng ký cổ đông, Sổ biên bản các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các tài liệu cần thiết khác;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
2. Tiểu ban Tư vấn pháp lý:
- a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định.
 - b) Tiểu ban Tư vấn pháp lý có nhiệm vụ:
 - Xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng kinh tế, dân sự và các văn bản pháp lý của Công ty;
 - Đảm bảo các điều kiện pháp lý cho hoạt động của Công ty: Dự thảo sửa đổi, bổ sung điều lệ, nội quy lao động, quy chế, quy định của Công ty;
 - Tư vấn Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện đúng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty;
 - Hỗ trợ pháp lý cho Tổng giám đốc khi có các tranh chấp về các hợp đồng;
 - Giúp Hội đồng quản trị tìm kiếm các chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
3. Tiểu ban Tư vấn công nghệ, nhân sự, thị trường:
- a) Biên chế do Hội đồng quản trị quyết định.
 - b) Tiểu ban tư vấn công nghệ, nhân lực, thị trường giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ:
 - Xây dựng chiến lược phát triển, đầu tư, mua, bán công nghệ;
 - Xây dựng chiến lược phát triển thị trường;
 - Xây dựng chiến lược phát triển nhân lực.
4. Thành viên các tiểu ban thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị, có nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định Công ty và quy định pháp luật.
5. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập các tiểu ban nêu trên hoặc các tiểu ban khác theo nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 24. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 36 Điều lệ.
2. Điều kiện, tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông theo quy định Công ty và quy định pháp luật;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định Công ty và quy định pháp luật;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Công ty và quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau:

a) Người phụ trách quản trị công ty không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều này;

b) Người phụ trách quản trị công ty gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Người phụ trách quản trị công ty bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau:

a) Người phụ trách quản trị công ty không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty; nhận được đơn xin từ chức của Người phụ trách quản trị công ty. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Người phụ trách quản trị công ty mới (nếu có).

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo Điều 32 Điều lệ.

3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở của Công ty và thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên: thực hiện theo Điều 33 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 26. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban kiểm soát theo Khoản 2 Điều này, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang là Kiểm soát viên và/hoặc giữ các chức danh quản lý;
- đ) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- e) Các thông tin khác (nếu có).

4. Ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ sung Kiểm soát viên:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Kiểm soát viên;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông trở lên có quyền thay thế Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho Kiểm soát viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ hoặc bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;

b) Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

c) Thành viên đó bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;

d) Cổ đông pháp nhân không cử làm đại diện hoặc ủy quyền;

đ) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Trừ trường hợp bất khả kháng, thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục;

b) Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

c) Thành viên đó vi phạm nhiều lần (từ 03 lần trở lên trong một nhiệm kỳ) hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ hoặc quy định pháp luật;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Kiểm soát viên chấm dứt tư cách Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 29. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

Việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 30. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bầu (bầu mới, bầu lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên; nhận được đơn xin từ chức của Kiểm soát viên. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GD&ĐT Bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có).

Điều 31. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao, quyền lợi khác theo quy định tại Điều 33 Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và quy định khác của Công ty.

CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; trường hợp thuê người khác làm Tổng giám đốc thì phải ký hợp đồng lao động trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo Điều 35 Điều lệ.

3. Tổng giám đốc phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan với Công ty theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở của Công ty và thông báo trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc: thực hiện theo Điều 35 Điều lệ, quy định Công ty và quy định pháp luật.

Điều 33. Cách thức bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc vẫn có quyền biểu quyết với tư cách thành viên Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Tổng giám đốc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ hoặc bị pháp luật cấm làm Tổng giám đốc;

b) Tổng giám đốc gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Tổng giám đốc bị Tòa án tuyên mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Tổng giám đốc không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ hoặc quy định pháp luật;

c) Trường hợp khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Công bố thông tin về thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

Công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại), miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc; nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của Tổng giám đốc mới (nếu có).

Điều 36. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc được hưởng tiền lương và quyền lợi khác theo thỏa thuận hợp đồng lao động, quy định Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Việc mời tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban điều hành, Kiểm soát viên tham dự.

2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát.

3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành tham dự.

4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận,

ý kiến khi được Chủ tọa phiên họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên họp dự thính) trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 38. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi các văn bản trên được ban hành và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 39. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và đơn vị trong Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 29 Điều lệ.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu: ngày lập văn bản yêu cầu; thông tin, tài liệu cần cung cấp; thời gian cung cấp; họ tên và chữ ký của Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên khác được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền.

4. Tổng giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 06 tháng và hàng năm);

b) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (hàng quý, 06 tháng, 09 tháng, hàng năm) và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Trước ngày 31/3 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

d) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

Điều 40. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trao đổi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 41. Đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động:

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- a) Tự nhận xét, đánh giá;
- b) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c) Cách thức khác do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm, dựa theo nhiệm vụ quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng định kỳ hàng năm, dựa theo nhiệm vụ quy định tại Điều lệ, quy định Công ty, trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 42. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng:

- a) Thẩm quyền khen thưởng:

Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

b) Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;
- Bằng hiện vật.

c) Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý công ty.

2. Kỷ luật:

Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với người quản lý Công ty thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty quy định khác hoặc chưa đề cập trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phúc Khoa